

Viện trợ là một hình thức chuyển giao tiền của vật chất từ những nước giàu cho những nước nghèo, đang phát triển. Vì sao lại có viện trợ? Trên phạm vi cá nhân, tập thể hay phạm vi quốc gia cũng vậy, không ai tự đem tiền của cho không ai cả. Nước này viện trợ cho nước kia là vì nước cho cũng như nước nhận viện trợ đều sẽ gặt hái những ích lợi gì đó. Như vậy có thể nói mọi hình thức viện trợ đều chứa đựng bên trong những mục đích khác nhau và mục đích có thể là ngắn hạn hay dài hạn.

Có nhiều loại viện trợ khác nhau, chẳng hạn như viện trợ nhân đạo, viện trợ quân sự, viện trợ kinh tế hay viện trợ phát triển. Ở đây chỉ đề cập đến viện trợ phát triển. Thông thường những nước cho viện trợ đều nhằm vào các mục đích lớn sau đây: viện trợ nhằm thúc đẩy sự phát triển của những nước nghèo, qua đó tạo môi trường thuận lợi nhằm tăng cường lợi ích thương mại của nước viện trợ. Chẳng hạn, Úc viện trợ xây chiếc cầu lớn nối liền Thái Lan với Lào qua sông Mekong, nhằm tạo dựng cơ cấu hạ tầng để thúc đẩy giao lưu hàng hóa phát triển kinh tế, từ đó các công ty Úc có thể dễ dàng phát triển buôn bán mở rộng thị trường để thu lợi nhuận trong tương lai lâu dài ở đây. Thứ hai là viện trợ nhằm thực hiện những ý đồ chính trị của nước cho đối với nước nhận nhằm tạo hậu thuẫn và ảnh hưởng trên trường quốc tế trong chiến lược chính trị toàn cầu của nước cho viện trợ. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy qua các chính sách của Mỹ ở Nam Việt Nam trước đây cũng như ở Hàn Quốc hiện nay.

Trong gần 2 thập niên vừa qua, những chương trình quốc tế viện trợ phát triển cho các nước châu Á hướng vào các vấn đề sau đây: giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với khu vực tư nhân nhằm hướng tới việc cải cách chính sách để không phớt lờ hoàn toàn nền kinh tế cho thị trường đồng thời cũng không kỳ vọng nhiều ở chính phủ trong hoạt động kinh tế. Sự thất bại của thị trường và sự thất bại của chính phủ trong kinh tế là những vấn đề đặt ra đối với các nước châu Á trong thời gian vừa qua. Thứ hai, là viện trợ phát triển hướng vào việc làm giảm ô nhiễm môi trường. Thứ ba là giảm thiểu mức đói nghèo và giảm dãi tầng dân số ở châu Á, vì đây là nơi có số dân đông nhất thế giới. Phụ nữ trong phát triển và vấn đề nhân quyền cũng được đặt ra trong các chương trình viện trợ phát triển cho các nước ở châu Á.

Viện trợ được thực hiện thông qua những tổ chức giữa hai quốc gia và đa quốc gia. Các tổ chức thực hiện viện trợ tay đôi giữa hai quốc gia lớn nhất ở châu Á là của Nhật Bản, các tổ chức

thực hiện viện trợ đa quốc gia thuộc Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Ngoài ra còn có các tổ chức lớn nhỏ khác nhau thuộc Liên Hiệp Quốc, các cơ quan nghiên cứu nông nghiệp quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGO) của các nước cho viện trợ cũng tham gia vào hoạt động này. Những hình thức viện trợ thông thường được thực hiện ở châu Á bao gồm: hỗ trợ ngân sách (*budget support*), dự án giúp đỡ (*project aid*), chương trình giúp đỡ (*program aid*), giáo dục và huấn luyện (*education and training*), trợ giúp kỹ thuật (*technical assistance*), cứu viện và giúp đỡ khẩn cấp (*relief and emergency aid*), trợ giúp lương thực (*food aid*), trả giúp nợ (*debt relief*), cố vấn chính sách (*policy advice*), tín dụng hỗn hợp (*mixed credits*), giúp đỡ hành chính (*staffing assistance*).

Viện trợ phát triển chính phủ (*official development assistance: ODA*) là hình thức viện trợ chính của các nước OECD cho châu Á trong vòng 20 năm qua. Nhật Bản và Hoa Kỳ là nước viện trợ lớn nhất cho các nước châu Á với 4,8 tỷ USD trong khi đó Nhật Bản chỉ có 2,1 tỷ USD thì đến năm 1990 số viện trợ Nhật Bản là 4 tỷ USD, Hoa Kỳ chỉ còn 0,7 tỷ USD mà thôi. Sự giảm sút viện trợ này của Hoa Kỳ chủ yếu là do sự cắt giảm viện trợ cho Việt Nam và các nước Đông Dương sau khi chiến tranh VN kết thúc. (Theo những tài liệu tổng kết gần đây ở phương Tây cho thấy trong thời gian từ 1955 đến 75 tổng số viện trợ của Mỹ cho miền Nam VN lên đến hơn 25 tỷ USD trong đó viện trợ kinh tế hơn 8 tỷ USD. Viện trợ của Liên Xô cũ và Trung Quốc cho miền Bắc VN trong giai đoạn 1955 - 75 theo ước tính là hơn 4 tỷ USD). Trong năm 1990 Đức có số viện trợ đáng kể đứng sau Nhật (0,9 tỷ USD), Pháp và Hà Lan (0,5 tỷ USD) và các nước Úc, Canada, Italia, Thụy Điển, Vương Quốc Anh viện trợ từ 0,2 đến 0,4 tỷ USD. Ngoài ra Ngân hàng thế giới cũng tăng viện trợ ở đây từ 0,6 tỷ năm 1970 lên đến 1,8 tỷ USD năm 1990. ADB cũng tăng từ 14 triệu đến 946 triệu USD trong thời gian nói trên. Các tổ chức

TIỀN VIỆN TRỢ

AI CHO VÀ CHO AI ?

PTS HỒ NGỌC PHƯƠNG

Liên Hiệp Quốc tăng từ 384 triệu lên 892 triệu USD đồng thời gian trên. Tổng viện trợ ODA cho châu Á năm 1970 là 11,4 tỷ USD thì năm 1990 là 13,4 tỷ, tăng hơn 17%.

Những nước nhận viện trợ nhiều nhất cách đây hơn 20 năm phải kể đến Ấn Độ (3,4 tỷ USD), Indonesia (2 tỷ USD), Đông Dương (1,7 tỷ USD), Pakistan (1,5 tỷ USD) và các nước NICs (1,5 tỷ USD). Đến năm 1990 Trung Quốc đứng hàng đầu trong số các nước nhận viện trợ với hơn 2 tỷ USD, rồi đến Ấn Độ và Bangladesh 1,9 tỷ, Indonesia 1,8 tỷ, Pakistan 1,3 tỷ, Philippines 1 tỷ và các nước Đông Dương 377 triệu USD. Miến Điện là nước nhận được viện trợ ít nhất với 172 triệu USD năm 1990. Hàn Quốc trước đây là một nước nhận viện trợ, nay bắt đầu trở thành nước cho viện trợ. Tổng số viện trợ trên thế giới là 60 tỷ USD thì châu Á chiếm 19 tỷ USD, gần 30%.

Châu Á là một vùng năng động phát triển kinh tế của thế giới, viện trợ nước ngoài đóng một vai trò kích thích thúc đẩy quá trình phát triển đó. Tuy nhiên, nếu lấy những nước rộng lớn như Trung Quốc và Ấn Độ để so sánh thì số viện trợ như mười bô biển, tính theo tỷ lệ chỉ bằng dưới 1% GDP của các nước đó. Những nước nhỏ hơn như Lào hoặc Nepal tỷ lệ viện trợ có thể lên đến 10%. Còn trong nhiều nước khác thì tỷ lệ viện trợ khoảng 2% GDP. Tổng số viện trợ trên thế giới 60 tỷ USD vào năm 1992 chỉ bằng 0,33% tổng GDP của những nước cho viện trợ. Hơn nữa, trong việc viện trợ tay đôi giữa hai nước, nước nhận phải mua hàng hóa của nước cho bình quân khoảng 28% số tiền viện trợ. Italia, Áo, Phần Lan bắt mua hàng của họ trên 50% số tiền viện trợ. Mỹ, Nhật, Hà Lan thì bắt mua hàng hóa của họ khoảng 20%. Một số nước khác thì nằm giữa hai tỷ lệ đó khi cho viện trợ. Sự trói buộc này làm cho nước nhận viện trợ phải nhập khẩu hàng hóa với giá cao. Điều này cho thấy viện trợ không thể là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nước mình được ♣